

Bản án số: 07/2022/HS-PT

Ngày 28 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Mầu Mai Quyên và bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 và 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 138/2021/TLPT- HS ngày 02/11/2021 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày 21/4/1965, tại: Huyện A, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện A, thành phố Hà Nội; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/10; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Ngày 30/03/2021 Ủy Ban kiểm tra Huyện ủy A, thành phố Hà Nội ra quyết định Đình chỉ sinh hoạt Đảng); nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B; con ông Trần Văn D (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị D (Đã chết); có vợ là Trần Thị C và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/03/2021 đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T:

+ Bà Trần Hồng D - Luật sư Công ty Luật E- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 52, phố Quán Sứ, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Anh T - Luật sư Công ty Luật E- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 52, phố Quán Sứ, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1969; trú tại: Phường H, thành phố I, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông G: Ông Trần Minh X, sinh năm 1993; trú tại: đường Nguyễn Văn L, phường H, thành phố I, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

+ Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1965; trú tại: phường L, thành phố A, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông K: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; trú tại: phường H, thành phố I, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh A; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T – Giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến S - Phó Giám Đốc, theo văn bản uỷ quyền ngày 18/3/2022 (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1960 (Có mặt).

Đều trú tại: Thôn O, xã Ô, huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc;

+ Ông Phạm Ỗ, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974 (Có mặt).

Đều trú tại: Thôn O, xã Ô, huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Trần Thị C, sinh năm 1971; trú tại: Thôn Ắ, xã Đ, huyện Ầ, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B (gọi tắt là Công ty B), địa chỉ ở xã Đ, huyện Ầ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình kinh doanh do thiếu vốn nên từ năm 2007, Công ty B có nhiều lần vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A (Gọi tắt là Ngân hàng Công thương A). Sau khi vay

vốn, Công ty B đã trả được 1 phần nợ và còn 1 phần chưa trả, vi phạm hợp đồng tín dụng.

Ngày 27/02/2013, Ngân hàng Công thương A gửi đơn khởi kiện Công ty B đến Tòa án nhân dân thành phố A. Ngày 05/3/2013, Tòa án nhân dân thành phố A mời ông Hoàng Văn K, Trần Văn T, bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị N, ông Phạm O và bà Nguyễn Thị Q đến trụ sở Tòa án làm việc và hoà giải thành. Ngày 13/3/2013, Tòa án nhân dân thành phố A ra Quyết định số 03/2013/QĐST-KDTM, Công nhận sự thỏa thuận của Công ty B do Trần Văn T làm đại diện với Ngân hàng Công thương A.

Sau khi ra quyết định, các đương sự không thực hiện đúng theo thoả thuận, ngày 05/10/2015, Ngân hàng Công thương A đã gửi đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A phát mại tài sản theo các Hợp đồng thế chấp. Ngày 09/10/2015 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A ủy thác cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hà Nội tiếp tục thi hành án đối với Công ty B. Khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện A tiến hành kê biên tài sản của Trần Văn T và bà Trần Thị C, thì Trần Văn T có đơn tố cáo ông Nguyễn Xuân G và ông Hoàng Văn K chỉ đạo cán bộ cấp dưới lập giả hồ sơ thế chấp chiếm đoạt tài sản của các gia đình thế chấp là gia đình bà Trần Thị C, bà Trần Thị N và ông Phạm O với số tiền trên 05 tỷ đồng gửi đến Công an thành phố A, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 10/12/2018, Công an thành phố A có Thông báo số 02/TB-CAPY trả lời Trần Văn T đã xác định đây là tranh chấp giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B, các gia đình bảo lãnh thế chấp và Ngân thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh A và đã được Tòa án nhân dân thành phố A giải quyết tại quyết định số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013, nếu có thắc mắc gì thì liên hệ với cơ quan Tòa án có thẩm quyền để được giải quyết. Trần Văn T không đồng ý với Thông báo số 02/TB-CAPY, tiếp tục viết đơn tố cáo ông G, ông Vĩnh phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Ngày 19/9/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 27. Ngày 26/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Thông báo số 1296/TB-VKS-P3, xác định Quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, đúng pháp luật. Ngày 27/9/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 1241 gửi cho Trần Văn T nhận được vào ngày 28/9/2019 theo đúng quy định.

Ngày 11/10/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc nhận được Đơn không chấp nhận Thông báo số 1241 và yêu cầu giải quyết đề ngày 29/9/2019 của Trần Văn T, nội dung khiếu nại Quyết định không khởi tố số 27 ngày 19/9/2019. Ngày 25/10/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh

Phúc ra Quyết định số 04/QĐ- CQCSĐT, giải quyết khiếu nại đồng thời thông báo cho Trần Văn T biết vào ngày 26/10/2019, trong đó xác định: Giữ nguyên Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 27 ngày 19/9/2019 và Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 1241 ngày 27/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc .

Ngày 28/10/2019 Trần Văn T vẫn không đồng ý với kết quả giải quyết này, ngày 01/11/2019 Trần Văn T đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc gửi Đơn tố cáo khẩn cấp đề ngày 28/10/2019, nội dung khiếu nại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 08/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Thông báo số 1514/TB-VKS-P12 về việc không thụ lý đơn khiếu nại và gửi cho Trần Văn T nhận được vào ngày 09/11/2019.

Sau khi nhận được Thông báo số 1514/TB-VKS-P12 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Văn T tiếp tục gửi đơn tố cáo ông Nguyễn Văn G và ông Hoàng Văn K. Cụ thể:

- Ngày 10/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhận được Đơn tố cáo, tố giác tội phạm đề ngày 11/11/2019 của Trần Văn T. Nội dung đơn: Tố giác ông Nguyễn Văn G là Giám đốc và ông Hoàng Văn K là Phó Giám đốc Ngân hàng Công thương A chỉ đạo cấp dưới lập giả (Lại) hồ sơ thế chấp, chiếm đoạt giấy tờ quyền sở hữu đất và tài sản trên đất, chiếm đoạt tài sản số tiền hơn 05 tỷ đồng của các gia đình bảo lãnh, đồng thời không đồng ý với Quyết định không khởi tố số 27 ngày 19/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại số 04 ngày 25/10/2019 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi tiếp nhận đơn, ngày 27/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ký ban hành Văn bản số 1762/CV-VKS-P3, trả lời các nội dung trong đơn của Trần Văn T.

Ngày 06/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục nhận được Đơn không chấp nhận Công văn số 1762 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề ngày 31/12/2019 của Trần Văn T. Ngày 15/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản số 73/VKS-P12, trả lời Trần Văn T.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục nhận được Văn bản số 1495-CV/BNCTU ngày 07/01/2020 của Ban Nội chính tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc chuyển đơn của Trần Văn T vẫn với nội dung tố cáo ông Nguyễn Văn G là Giám đốc và ông Hoàng Văn K là Phó Giám đốc Ngân hàng Công thương A chỉ đạo cấp dưới thiết lập giả (Lại) hồ sơ thế chấp, chiếm đoạt tài sản của các gia đình bảo lãnh thế chấp...

Ngày 14/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ký ban hành Văn

bản số 499/CV-VKS-P1, xác định Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 27 ngày 19/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Quyết định giải quyết khiếu nại số 04 ngày 25/10/2019 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trần Văn T vẫn tiếp tục viết Đơn báo cáo khẩn cấp và tố giác về tham nhũng đề ngày 25/7/2020 gửi Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy Ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, Thành ủy A, Ban Nội chính Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Ban Nội chính Trung ương; viết Đơn báo cáo và tố giác về tham nhũng đề ngày 15/9/2020 gửi Ban Nội chính Tỉnh ủy Vĩnh Phúc; Đơn báo cáo khẩn cấp và tố giác về tham nhũng đề ngày 25/7/2020 lần thứ ba gửi Ban Nội chính tỉnh ủy Vĩnh Phúc. Nội dung chính của những đơn này vẫn tố cáo ông Nguyễn Văn G là Giám đốc và ông Hoàng Văn K là Phó Giám đốc Ngân hàng Công thương A chỉ đạo cấp dưới thiết lập giả (Lại) hồ sơ thế chấp, chiếm đoạt tài sản của các gia đình bảo lãnh thế chấp... cho rằng một số Lãnh đạo và cán bộ Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Lãnh đạo các cơ quan của Đảng như Ban Nội chính tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Ủy Ban kiểm tra tỉnh ủy Vĩnh Phúc không khách quan, tham nhũng, nể nang, vi phạm pháp luật và bao che cho người bị tố cáo là ông G, ông Vĩnh trong quá trình giải quyết tố giác của Trần Văn T.

Ngày 16/9/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A nhận được Đơn báo cáo khẩn cấp và tố giác về tham nhũng đề ngày 25/7/2020, kèm theo thông báo thay đổi chữ ký của Trần Văn T do Công an tỉnh Vĩnh Phúc chuyển đến.

Ngày 18/9/2020, ngày 21/9/2020, ngày 29/9/2020, ngày 29/1/2021 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A nhận được đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn G- Giám đốc Ngân hàng Công thương A đề nghị xử lý Trần Văn T về hành vi vu khống.

Ngày 22/9/2020, ngày 28/9/2020, ngày 07/10/2020, ngày 01/2/2021, ngày 02/2/2021 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A đã làm việc và ông Hoàng Văn K - Phó giám đốc Ngân hàng Công thương A đã tự viết các bản tự khai đều đề nghị khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn T về hành vi vu khống.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A ban hành các Quyết định trưng cầu giám định số 500, 501, nội dung giám định chữ ký dưới mục “NGƯỜI TỐ CÁO, TỐ GIÁC TỘI PHẠM” mang tên “TRẦN VĂN T” so với chữ ký mới và chữ ký cũ của Trần Văn T tại các mẫu so sánh có cùng phải do một người ký ra hay không. Ngày 10/11/2020, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an ban hành Bản kết luận số 7106/C09-P5 và số 7145/C09-P5, nội dung xác định chữ ký mới

và chữ ký cũ mang tên “TRẦN VĂN T” so với chữ ký tại các mẫu so sánh của Trần Văn T là do cùng một người ký ra.

Ngày 04/11/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A tiếp tục ra Quyết định trưng cầu giám định số 528, trưng cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để giám định Tài chính - Ngân hàng đối với những hồ sơ thế chấp, vay vốn của Công ty B thu thập tại Ngân hàng Công thương A. Ngày 12/11/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Văn bản số 8228/NHNN-TTGSNH về việc giao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định theo nội dung Quyết định trưng cầu giám định số 528 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A.

Ngày 22/4/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 184, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu chữ ký “Q”, chữ viết “Nguyễn Thị Q” dưới mục các đương sự tham gia hoà giải, trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) so với mẫu chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Q trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3, M4) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Ngày 01/5/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Bản kết luận giám định số 981/KLGD và kết luận: Chữ ký “Q”, chữ viết “Nguyễn Thị Q” dưới mục các đương sự tham gia hoà giải, trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) so với mẫu chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Q trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3, M4) là do cùng một người viết ra.

Ngày 02/6/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 235, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu chữ ký của ông M và chữ viết “Nguyễn Văn M” tại mục các đương sự tham gia hoà giải, trong biên bản hoà giải thành ký hiệu A1 so với mẫu chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965, trú tại xã Ô huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc trong mẫu ký hiệu M1 có phải do cùng một người viết ra hay không. Chữ ký của bà N và chữ viết “Trần Thị N” tại mục các đương sự tham gia hoà giải, trong biên bản hoà giải thành ký hiệu A1 so với mẫu chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị N, sinh năm 1960, trú tại xã Ô huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc trong mẫu ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người viết ra hay không.

Ngày 01/7/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Bản kết luận giám định số 1477/KLGD và kết luận: Chữ ký và chữ viết có nội dung “m”, “nguyễn văn m” dưới mục “các đương sự tham gia hoà giải” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn M trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra. Chữ ký và chữ viết có nội dung “chuyển”, “Trần thị n” dưới mục “các đương sự tham gia hoà giải” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn M trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra.

Ngày 02/6/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 236 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu chữ ký của ông Ơ và chữ viết “Phạm Ơ” tại mục các đương sự tham gia hoà giải, trong biên bản hoà giải thành ký hiệu A1 so với mẫu chữ ký, chữ viết của ông Phạm Ơ, sinh năm 1973, trú tại xã Ô huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc trong các mẫu ký hiệu M3, M4 có phải do cùng một người viết ra hay không. Chữ ký của bà C và chữ viết “Trần Thị C” tại mục các đương sự tham gia hoà giải, trong biên bản hoà giải thành ký hiệu A1 so với mẫu chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị C, sinh năm 1971, trú tại xã Đ, huyện Â, thành phố Hà Nội trong các mẫu ký hiệu M5, M6 có phải do cùng một người viết ra hay không.

Ngày 01/7/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Bản kết luận giám định số 1465/KLGD và kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Ơ trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Ơ trên các mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) là do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị C trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị C trên các mẫu so sánh (ký hiệu M5, M6) là do cùng một người viết ra.

Quá trình khám xét nhà ở Trần Văn T thu giữ được 01 chiếc máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell, màu trắng model vostro 1440. Ngày 12/3/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 136, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định đối với máy tính nêu trên. Ngày 18/3/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Bản kết luận giám định số 603/KLGD và kết luận: Khôi phục, trích xuất được dữ liệu lưu trên ổ cứng gắn trong chiếc máy tính xách tay hiệu Dell gửi đến giám định, qua phân tích dữ liệu thấy có 10 tệp tin văn bản định dạng DOC, tổng kích thước 4.51MB, có nội dung ở trang số 01 chứa từ khoá “ĐƠN TỐ CÁO” và 10 tệp tin văn bản định dạng DOC, tổng kích thước 15,0MB, có nội dung ở trang số 01 chứa từ khoá “ĐƠN BÁO CÁO”. Toàn bộ các tệp tin văn bản nêu trên được sao lưu ra 01 đĩa DVD.

Ngày 27/4/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 198, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định bổ sung kỹ thuật điện tử và tài liệu. Ngày 06/5/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Bản kết luận số 1004/KLGD, nội dung đã in bốn Văn bản và đóng dấu xác nhận gửi đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A. Nội dung chính của những đơn này đều là tố cáo ông G, ông K chỉ đạo cấp dưới lập giả (Lại) hồ sơ thể chấp, chiếm đoạt tài sản phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông

Nguyễn Văn M, bà Trần Thị N, ông Phạm O, bà Nguyễn Thị Q, bà Trần Thị C đều xác định: Ông M, bà N, ông O, bà Q, bà C đã tự nguyện đem tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của mình thế chấp cho Ngân hàng Công thương A để bảo lãnh khoản vay của Công ty B do Trần Văn T làm Giám đốc.

Tại các lời khai của ông Nguyễn Văn G, ông Hoàng Văn K và các cán bộ thuộc Ngân hàng Công thương A có liên quan đến việc lập hồ sơ thế chấp và hồ sơ tín dụng giữa Ngân hàng Công thương A và Công ty B đều khẳng định hồ sơ được lập theo đúng trình tự quy định, không có việc lập giả, lập lại hồ sơ.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A cũng đã tiến hành hỏi cung đối với Trần Văn T. Tại buổi làm việc ngày 12/3/2021, Trần Văn T trình bày đã nhận được kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo nhưng Trần Văn T không đồng ý và vẫn viết đơn tố cáo ông G, ông Vĩnh phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Lãnh đạo Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy Ban kiểm tra tỉnh ủy, Ban Nội chính tỉnh ủy và nhiều cơ quan khác.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc máy in nhãn hiệu Canon, màu trắng model L11121E. 01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell, màu trắng model vostro 1440 và một dây chuyển nguồn.

- 01 (một) hộp giấy cát tông, bên ngoài có dòng chữ KORENO, bên trong có các tài liệu phô tô những văn bản như: Đơn tố cáo, tố giác tội phạm (lần thứ 2) đề ngày 11/11/2019; Đơn tố cáo, tố giác tội phạm (lần thứ 3) đề ngày 11/11/2019; Kính gửi: Ông trưởng Ban nội chính tỉnh ủy Vĩnh Phúc đề ngày 20/12/2019; Đơn tố giác, tố cáo tội phạm khẩn cấp đề ngày 28/12/2019; Đơn tố cáo, tố giác khẩn cấp (lần thứ 8) đề ngày 25/02/2020; Đơn báo cáo khẩn cấp và tố giác về tham nhũng đề ngày 25/7/2020; Đơn báo cáo và tố giác về tham nhũng (Lần thứ 02) đề ngày 15/9/2020; Đơn báo cáo khẩn cấp và tố giác về tham nhũng ngày 25/07/2020 (Lần thứ 03) đề ngày 21/11/2020; Đơn yêu cầu đề ngày 21/12/2020; Đơn tố cáo, tố giác khẩn cấp đề ngày 25/12/2020; Đơn tố giác đề ngày 7/2/2021, không có chữ ký của người viết đơn; Đơn tố giác khẩn cấp đề ngày 19/2/2021 không có chữ ký của người viết đơn; Hợp đồng tín dụng (áp dụng đối với trường hợp cho vay từng lần) Số: 09070070/NHCTPY ngày 05/6/2007; Biên bản xác minh tình trạng tài sản để làm cơ sở chứng nhận hợp đồng thế chấp vay vốn ngân hàng đề ngày 05/6/2007; Hợp đồng tín dụng (áp dụng đối với trường hợp cho vay từng lần), số: 20.07.054/HĐTD, đề ngày 31/7/2007; Hợp đồng tín dụng (áp dụng đối với trường hợp cho vay từng lần), số: 20.09.07/NHCTPY; Giấy nhận nợ 01 đề ngày 14/02/2009; Giấy nhận nợ 02 đề ngày 24/02/2009; sao kê tài khoản vay - CTY CP đầu tư xây dựng B; Hợp đồng tín dụng (Cho vay theo dự án đầu tư), số: 20.09.017/NHCTPY ngày 09/4/2009; Biên bản định giá tài sản thế chấp số:

20.09.017/ĐGTS; Giấy nhận nợ (theo HĐTD số 20.09.017/NHCTPY ngày 09 tháng 04 năm 2009); Hợp đồng tín dụng (Áp dụng đối với trường hợp cho vay từng lần), số: 20.10.021/NHCTPY ngày 26/5/2010; Giấy nhận nợ 01 (Theo HĐTD số 20.10.021/NHCTPY ngày 26/05/2010); Sao kê tài khoản vay Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B HĐTD ngày 26 tháng 05 năm 2010; Hợp đồng tín dụng (Áp dụng đối với trường hợp cho vay từng lần) số: 20.10.046/NHCTPY, ngày 28/9/2010; Giấy nhận nợ 01 (Theo HĐTD số 20.10.046/NHCTPY ngày 28 tháng 09 năm 2010); Hợp đồng tín dụng (Áp dụng đối với trường hợp cho vay từng lần) số: 20.11.32/NHCTPY ngày 03/6/2011; Giấy nhận nợ 01 (Theo HĐTD số 20.11.32/NHCTPY ngày 03 tháng 06 năm 2011); Giấy nhận nợ 02 (Theo HĐTD số 20.11.32/NHCTPY ngày 03 tháng 06 năm 2011); Công văn số 280/CV-THADS đề ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân về việc trả lời đơn; Thông báo số 2130/TB-CTHADS đề ngày 01/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội về việc không thụ lý đơn tố cáo; Văn bản số 2131/CTHADS-KNTC đề ngày 01/6/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội về việc hướng dẫn trả lời đơn; Biên bản làm việc hồi 15 giờ 00 phút ngày 13/03/2017 tại Trụ sở UBND xã Đ, Ân, TP Hà Nội; Công văn đề nghị số 18/CVĐN đề ngày 04/3/2017 của Công ty CPĐT Xây dựng B về việc Cơ quan Thi hành án kiểm tra lại HS Tự khai kiện đúng, sai của NH. Trả lại TS quyền lợi Khách Hàng, YCBT theo Nghĩa vụ của NH; Công văn số 23/CVĐN đề ngày 10/08/2017 của Công ty CP đầu tư xây dựng B; Công văn số 113/CV-THADS đề ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân; Văn bản số 675/TL-THADS đề ngày 01/8/20217 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân; Công văn số 55/CV-THADS đề ngày 26/10/2017 của Chi cục THADS huyện Ân; Công văn số 160/CV-THADS đề ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân; Công văn số 359/CV-CCTHADS đề ngày 06/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân; Quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 01/QĐ-CCTHADS ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân; Biên bản làm việc vào lúc 10h ngày 02/02/2017 tại ngân hàng TMCP Công thương Phúc Yên; Biên bản cung cấp thông tin đề ngày 26/12/2017 kèm theo sao kê tài khoản tiền vay 2007-2010; Biên bản tiếp công dân ngày 16/4/2020, tại phòng tiếp Công dân Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Biên bản làm việc hồi 15 giờ 00 ngày 09/01/2020 tại trụ sở Ban Nội chính tỉnh ủy; Công văn số 1282-CV/BNCTU của Ban Nội Chính Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc chuyển đơn tố giác đề ngày 15/8/2019; Công văn số 1495-CV/BNCTU của Ban Nội chính tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc chuyển đơn đề ngày 07/01/2020; Công văn số 1498-CV/BNCTU của Ban Nội chính Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc chuyển đơn đề ngày 10/01/2020; Biên bản làm việc ngày 09/09/2016, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh A; Biên bản làm việc ngày 11/8/2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh

A; Kết thúc vụ lừa kiện 2020, không có chữ ký người viết; Thông báo thay đổi chữ ký của ông Trần Văn T đề ngày 25/07/2020; Đơn xin xác nhận đề ngày 04/12/2017; Biên bản làm việc ngày 09/01/2020 tại trụ sở Ban Nội chính Tỉnh ủy; Biên bản tiếp công dân của Thanh tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đề ngày 30/7/2019; Biên bản tiếp công dân ngày 06/01/2019 tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định giải quyết tố cáo đề ngày 09/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc; Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 1241, ngày 27/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc; Văn bản số 221/TANDTC-VP đề ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân tối cao v/v chuyển đơn thư khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, kèm theo danh sách đơn chuyển tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Đơn tố cáo khẩn cấp đề ngày 04/07/2018 và Bút lục hồ sơ ghi kèm; Biên bản làm việc ngày 10/10/2019, tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Biên bản làm việc ngày 10/12/2019, tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Công văn số 20/cv-2017 của Công ty CPĐTXD B gửi UBND xã Nguyệt Đức, Yên Lạc, Vĩnh Phúc đề ngày 12/4/2017; Công văn số 22/CV-2017 của Công ty CPĐTXD B gửi Phòng công chứng số 2 thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đề ngày 18/4/2017; Đơn kiến nghị của bà Trần Thị Chuyển đề ngày 12/9/2016; Công văn trả lời đơn kiến nghị của khách hàng số 312/CV-CNPY-TH đề ngày 16/9/2016; Đơn kiến nghị của bà Trần Thị C đề ngày 12/9/2016; Công văn trả lời đơn kiến nghị của khách hàng số 313/CV-CNPY-TH đề ngày 16/9/2016; Thông báo v/v thụ lý đơn tố cáo thi hành án đề ngày 23/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; thông báo v/v giải quyết tố cáo số 1269/TB-CTHADS, đề ngày 01/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Văn bản số 1452/CTHADS-KNTC đề ngày 06/03/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Văn bản số 1778/CTHADS-KNTC đề ngày 04/4/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Toàn bộ số Văn bản, tài liệu trên sau khi được mở niêm phong đều được thống kê và có chữ ký xác nhận của bà Trần Thị C là vợ của Trần Văn T, đều được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) chiếc ví nam, màu nâu, đã qua sử dụng, 01 (một) Giấy phép lái xe số 190093196792 mang tên Trần Văn T, 01 (một) Chứng minh nhân dân số 013116247 mang tên Trần Văn T, 01 (một) chiếc thắt lưng nam, màu nâu, đã qua sử dụng, 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số Imei 353288071963908, bên trong chứa sim Viettel, đã qua sử dụng đều của Trần Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông G và ông K không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường về dân sự nhưng đề nghị cơ quan pháp luật xử lý nghiêm đối với Trần Văn T theo đúng quy định pháp luật về hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021

của Tòa án nhân dân thành phố A đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Vu khống”.

Áp dụng: Điểm c, h khoản 2 Điều 156; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Văn T 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 12/3/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2021 bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo. Ngày 25/9/2021 bà Nguyễn Thị Q, ông Phạm O, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị N, bà Trần Thị C là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 90/2021/HS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày lời bào chữa:

Luật sư Nguyễn Anh T cho rằng cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ, chưa đủ căn cứ để chứng minh T phạm tội như:

- Trong đơn đề ngày 28/10/2019 của Trần Văn T gửi đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều nội dung là khiếu nại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ra thông báo thông báo số 1514/TB-VKS-P12 về việc không thụ lý đơn khiếu nại là chưa đúng, trong đơn của T có nhiều nội dung do vậy T hoàn toàn có quyền đi tố cáo theo qui định của Pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân thành phố A nhận định dù T đã nhận được thông báo số 1514 ngày 8/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là quyết định cuối cùng nhưng T tiếp tục có đơn đến nhiều cơ quan để tố cáo ông G, ông Vĩnh phạm tội là chưa đúng, vì sau đó ngày 14/4/2020 lại có văn bản 499 trả lời T.

- Chưa làm rõ nguyên nhân tại sao T lại gửi nhiều đơn đến các cơ quan vì Ngân hàng Công thương A có rất nhiều sai sót trong quá trình lập hồ sơ để cho Công ty B do T làm giám đốc vay vốn.

- Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chưa đảm

bảo quyền lợi của các thành viên trong gia đình. Hộ nhà ông T, bà C và các con bà C trên 15 tuổi không được tham gia ký kết hợp đồng hay hỏi ý kiến.

- Trong biên bản định giá lại tài sản thế chấp đề ngày 24/5/2010 ông T bà C tham gia cùng với đại diện Ngân hàng Công thương A để định giá nhà đất đang thế chấp, nhưng tại trang 3 của biên bản không có chữ ký của bà C, bà C không đồng ý định giá lại tài sản thế chấp đồng nghĩa với việc bà C không đồng ý nâng giá trị để đảm bảo nghĩa vụ vay của Công ty B.

- Trong văn bản sửa bổ sung Hợp đồng thế chấp có chữ viết, chữ ký bà C, bà C nhiều lần không thừa nhận đây là chữ ký của bà mà cơ quan điều tra không tiến hành giám định để khẳng định có phải không để từ đó xem ai là người làm giả hồ sơ này.

- Bà Q, bà N đều khai chỉ đến Ngân hàng, không đi công chứng chứng thực; hợp đồng và các văn bản liên quan đều do T mang đi công chứng, chứng thực là vi phạm các qui định về công chứng và chứng thực nên các văn bản này đều vô hiệu.

- Anh X là con của ông M và bà N là người bị khuyết tật nên việc có chữ ký trong văn bản ủy quyền là sai cần làm rõ ai là người đã giả mạo chữ ký của anh X trong văn bản ủy quyền đã nộp cho Ngân hàng.

- Việc Tòa án nhân dân thành phố A tiến hành hòa giải vụ án Kinh doanh thương mại ngày 05/3/2013 mà không tiến hành thông báo và bà Q không đến Tòa vì sao lại có chữ ký trong biên bản hòa giải? Tòa án vừa tiến hành lấy lời khai, vừa tiến hành Hòa giải. Trần Văn T đến Tòa án để hòa giải không có ủy quyền của các con là vi phạm nghiêm trọng quyền lợi của anh Tuấn cho nên anh Tuấn có quyền yêu cầu tuyên hủy Quyết định công nhận số 03/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố A.

Luật sư Trần Hồng D cho rằng quá trình điều tra, truy tố, xét xử Trần Văn T của cấp sơ thẩm có nhiều sai sót như:

- Lời khai của Trần Văn T tại cơ quan điều tra và nội dung đơn mà Trần Văn T gửi đến các cơ quan thì Trần Văn T chỉ ra được các tài liệu trong hồ sơ vay vốn của công ty B và Ngân hàng Công thương A có nhiều tài liệu được làm sai quy định của pháp luật, nhận thức của Trần Văn T là làm giả. Lời khai của Trần Văn T mâu thuẫn với lời khai của ông Nguyễn Văn G, ông Hoàng Văn K hồ sơ vay vốn của công ty B đúng quy định do vậy có sự mâu thuẫn trong lời khai mà Cơ quan điều tra không tổ chức cho đối chất để làm rõ nội dung tố cáo của Trần Văn T là vi phạm nghiêm trọng dẫn đến chưa có cơ sở khẳng định Trần Văn T vu khống.

- Có căn cứ cho rằng bà Q không trực tiếp tham gia phiên hoà giải thành ngày 05/3/2013 mà do chị Giang là nhân viên ngân hàng Công thương A đến nhà

bà Q, đưa ra nhiều tài liệu bảo bà Q ký để làm thủ tục giãn nợ cho Trần Văn T. Tin lời chị Giang, bà Q đã ký vào các tài liệu do chị Giang đưa mà không đọc lại, cần phải làm rõ xem có việc làm giả tài liệu không?

- Trần Văn T viết Đơn tố giác và kêu cứu giải oan khẩn cấp, đơn ghi ngày 14 tháng 6 năm 2021 gửi đến Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công an thành phố A và Viện kiểm sát nhân dân thành phố A. Ngày 24/6/2021, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại, bác đơn của Trần Văn T đối với nội dung khiếu nại hành vi tố tụng (xét hỏi) của Điều tra viên Nguyễn Đức T và Điều tra viên Hoàng Vi S. Ngày 21/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại, nội dung giữ nguyên Quyết định khởi tố bị can số 36 ngày 24/2/2021 và Lệnh bắt bị can để tạm giam số 05 ngày 24/2/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A; giữ nguyên Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can số 36 và Quyết định phê chuẩn Lệnh bắt bị can để tạm giam số 05 cùng ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đối với bị can Trần Văn T. Cơ quan cảnh sát Điều tra công an thành phố A và Viện kiểm sát nhân dân thành phố A giải quyết Đơn tố giác và kêu cứu giải oan khẩn cấp, đơn ghi ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Trần Văn T như trên là thiếu sót, đã không giải quyết nội dung tố cáo trong đơn của Trần Văn T do vậy cần phải giải quyết theo đúng quy định từ Điều 478 đến Điều 483 chương XXXIV của Bộ luật Tố tụng hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại do phó Viện trưởng ký là không đúng qui định tại điều 476 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Ngày 04/11/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A tiếp tục ra Quyết định trưng cầu giám định số 528, trưng cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để giám định Tài chính - Ngân hàng đối với những hồ sơ thế chấp, vay vốn của Công ty B thu thập tại Ngân hàng Công thương A. Ngày 12/11/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Văn bản số 8228/NHNN-TTGSNH về việc giao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định theo nội dung Quyết định trưng cầu giám định số 528 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A. Ngày 18/12/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc ban hành Bản kết luận giám định tư pháp. Bản kết luận này được giám định trên một số tài liệu mà Cơ quan trưng cầu giám định cung cấp chưa phải là tài liệu của toàn bộ hồ sơ vụ án cho nên kết luận này chưa phù hợp với sự thật khách quan. Trong kết luận này Cơ quan giám định cũng đã khẳng định có nhiều sai sót, sự nhầm lẫn đây chính là hồ sơ vay vốn của Công ty B đã được làm sai quy định cũng chính là những nội dung Trần Văn T đang có đơn tố cáo là ông G, ông Vĩnh đang chỉ đạo làm giả hồ sơ, nó chứng minh cho Trần Văn T đã tố cáo đúng. Các giám định viên trong khi kết luận đã giám định

vượt quá yêu cầu giám định, không có đủ thẩm quyền để kết luận các hợp đồng này còn hiệu lực.

- Cơ quan điều tra đã đưa ra rất nhiều quyết định trưng cầu giám định, nhưng khi có kết luận giám định không thông báo kết luận giám định cho Trần Văn T và những người liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm quyền của bị cáo trong việc trình bày ý kiến đối với kết luận giám định, đề nghị giám định bổ sung hay giám định lại theo khoản 3 Điều 214 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong khi đó trong vụ án này còn nhiều tài liệu chưa được giám định để làm rõ sự thật vụ án.

- Hành vi của Trần Văn T chưa thỏa mãn khoản 1 Điều 156 Bộ luật hình sự vì căn cứ vào văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Văn bản số 8228/NHNN-TTGSNH ngày 12/11/2020 về việc giao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định theo nội dung Quyết định trưng cầu giám định số 528 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố A thì có nhiều sai sót và nhầm lẫn trong hồ sơ vay vốn của Công ty B với Ngân hàng Công thương Chi nhánh A do vậy Trần Văn T không biết rõ tố cáo của mình là sai sự thật, Trần Văn T cũng không dựa vào các nội dung mà T đi tố cáo mà chỉ căn cứ các nội dung sai quy định trong hồ sơ vay vốn của Công ty mà đi tố cáo. Do vậy hành vi của Trần Văn T chưa thỏa mãn cấu thành cơ bản theo khoản 1 Điều 156 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm, điều tra xét xử lại.

Bị cáo Trần Văn T tự bào chữa: Bị cáo cho rằng mình không phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nhất trí bản án sơ thẩm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

Hội đồng xét xử đã dành thời gian cho bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án nhưng bị cáo không chấp hành nội quy phiên tòa và không nói lời sau cùng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Nhưng qua tài liệu có trong hồ sơ vụ án khẳng định: Từ năm 2007 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B do Trần Văn T làm giám đốc đã ký 03 hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A vay khoảng 7,4 tỷ đồng với thời hạn vay khác nhau và được bảo đảm bằng các tài sản như quyền sử dụng đất, xà lan, ô tô và có một số tài sản bảo lãnh của người thứ ba. Quá trình kinh doanh gặp khó khăn nên Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B không thanh toán được tiền gốc và lãi theo hợp đồng. Ngày 27/02/2013 Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố A, yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B phải trả đủ tiền gốc, lãi và lãi phạt quá hạn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A tính đến ngày 05/12/2012 là 6.036.489.345đ. Ngày 05/3/2013 Tòa án nhân dân thành phố A đã tổ chức hoà giải và các đương sự đã thoả thuận được với nhau và đã lập biên bản hoà giải thành. Trong thời gian theo quy định của pháp luật không có đương sự nào thay đổi nội dung thoả thuận. Ngày 13/3/2013 Thẩm phán đã ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 03/2013/QĐST-KDTM, công nhận sự thoả thuận Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B do Trần Văn T là đại diện có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A số tiền là 6.036.489.345đ. Trong đó có xác định tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn và có xác định mốc từng thời gian trả nợ, hạn cuối cùng là ngày 25/12/2015. Nếu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A có quyền đề nghị xử lý các tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cũng như các tài sản khác đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 20.07.053/HĐTP ngày 31/7/2007; hợp đồng số 08070070/HĐTC ngày 05/6/2007; hợp đồng số 20.09.017/HĐTP ngày 08/4/2009; hợp đồng số 20.10.021/HĐTC ngày 21/5/2010 và hợp đồng số 20.10.021-2/HĐTC ngày 21/5/2010.

[3] Sau khi có quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B đại diện là Trần Văn T không thực hiện. Ngày 05/10/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A đã gửi đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, ngày 09/10/2015 Chi cục thi hành án dân sự thành phố A đã uỷ thác cho Chi cục thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hà Nội thi hành án, nhưng đến nay vẫn chưa thi hành án được. Từ năm 2018 Trần Văn T đã có nhiều đơn tố cáo ông Nguyễn Văn G là giám đốc và ông Hoàng Văn K là Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A đã có hành vi chỉ đạo cán bộ lập khống hồ sơ vay vốn, lừa đảo chiếm

đoạt số tiền hơn 05 tỷ của các gia đình đã thế chấp tài sản. Quá trình giải quyết vụ án: Ngày 10/12/2018, Công an thành phố A có Thông báo số 02/TB-CAPY trả lời Trần Văn T là vụ việc đã được giải quyết bằng quyết định số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013 của Toà án nhân dân thành phố A nếu có thắc mắc gì thì liên hệ với Toà án có thẩm quyền để được giải quyết. Trần Văn T không đồng ý với Thông báo số 02/TB-CAPY, tiếp tục viết đơn tố cáo ông G, ông Vĩnh phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Ngày 19/9/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 27. Ngày 26/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Thông báo số 1296/TB-VKS-P3, xác định Quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại văn bản số 499/CV-VKS-P1 ngày 14/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục có văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo của Trần Văn T và tiếp tục khẳng định khiếu nại của Trần Văn T đối với quyết định không khởi tố vụ án số 27 ngày 19/9/2019 và quyết định giải quyết khiếu nại số 04 ngày 25/10/2019 là không có căn cứ và kết luận quyết định không khởi tố vụ án số 27 ngày 19/9/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra (PC03) - Công an tỉnh Vĩnh Phúc và quyết định giải quyết khiếu nại số 04 ngày 25/10/2019 của Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, đúng pháp luật. Các văn bản trên gửi cho bị cáo T đã xác định ông G, ông Vĩnh không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nhưng bị cáo T không dừng việc tố cáo mà tiếp tục có đơn tố cáo ông G và ông K đến nhiều cơ quan, do bị ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, quyền lợi của cá nhân, ngày 18/9/2020, ngày 29/9/2020 ông G đã có đơn đề nghị khởi tố vụ án đối với Trần Văn T về tội Vu khống để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, quá trình làm việc ngày 22/9/2020, 28/9/2020, 07/10/2020, 01/02/2021, 02/02/2021 ông Hoàng Văn K đã yêu cầu khởi tố Trần Văn T về tội Vu khống.

[4] Quá trình điều tra, xét xử ở cấp sơ thẩm và tại phiên phúc thẩm bị cáo Trần Văn T thừa nhận đơn tố giác tội phạm, các đơn tố cáo khẩn cấp là do bị cáo ký tên và gửi. Tuy nhiên, yêu cầu xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo cho rằng nội dung các đơn do bị cáo bức xúc về hành vi lừa đảo của ông G và ông Vĩnh chỉ đạo lập hồ sơ thế chấp giả để chiếm đoạt 05 tỷ đồng của bị cáo và những người đứng ra bảo lãnh bằng tài sản cho bị cáo. Việc bị cáo xác nhận có ký tên và gửi các đơn tố cáo là phù hợp với Kết luận giám định số 132/GĐ-2018 ngày 16/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

[5] Từ những nội dung trên, có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Trần Văn T đại diện của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng B, từ năm 2007 có vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A là có thật, việc vay

vốn đã được giải ngân. Quá trình kinh doanh không trả được tiền gốc, lãi, lãi quá hạn, Ngân hàng đã khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố A và đã được giải quyết bằng quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013. Quyết định này hiện đang có hiệu lực pháp luật. Trần Văn T và các đương sự không đồng ý với quyết định nhưng không khiếu nại từ năm 2013 đến 2018. Đến ngày 12/6/2018 mới làm đơn khiếu nại đến Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và ngày 13/7/2018 mới làm đơn khiếu nại đến Toà án nhân dân tối cao, ngày 19/12/2018 Toà án nhân dân tối cao đã chuyển đơn khiếu nại đến Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội (BL611). Ngày 21/01/2021 Cơ quan điều tra đã có biên bản làm việc với Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Kết quả làm việc xác định Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không thụ lý giải quyết đơn của bị cáo T vì đã quá thời hạn xem xét giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm (BL 615). Nhưng Trần Văn T không thực hiện việc khiếu nại và chờ kết quả giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền mà liên tục làm đơn tố cáo ông G và ông Vĩnh lừa đảo chiếm đoạt hơn 05 tỷ đồng của gia đình và gia đình những người bảo lãnh cho Trần văn T vay tiền. Mặc dù đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết và kết luận không có hành vi phạm tội và ra quyết định không khởi tố vụ án. Trần Văn T vẫn tiếp tục làm đơn tố cáo sai sự thật nhằm mục đích vu khống đối với ông G Giám đốc và ông Vĩnh Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A. Nội dung tố cáo đã vu khống ông G, ông Vĩnh có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản khoảng 05 tỷ đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì nội dung tố cáo của bị cáo thuộc trường hợp Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng và đối với 02 người trở lên. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố A xét xử bị cáo Trần Văn T về tội “Vu khống” theo điểm c, h khoản 2 Điều 156 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo T, thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân về việc thi hành công vụ của cơ quan, tổ chức, làm ảnh hưởng xấu tới môi trường kinh doanh của Ngân hàng nói chung và cá nhân ông G, ông Vĩnh nói riêng. Tại đơn kháng cáo đề nghị xem xét, xét xử lại cũng như bổ sung kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm. Bị cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, trả tự do cho bị cáo vì bị cáo không phạm tội. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng B do Trần Văn T làm đại diện vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh A là có thật, quá trình giải quyết tranh chấp đã được Toà án nhân dân thành phố A giải quyết bằng quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013. Quyết định này hiện

đang có hiệu lực pháp luật. Trần Văn T không thực hiện việc khiếu nại và chờ kết quả giải quyết khiếu nại theo quy định mà liên tục làm đơn tố cáo ông G và Ông Vĩnh lừa đảo chiếm đoạt hơn 05 tỷ đồng. Mặc dù đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết và kết luận không có hành vi phạm tội và ra quyết định không khởi tố vụ án. Trần Văn T vẫn tiếp tục làm đơn tố cáo sai sự thật nhằm mục đích vu khống đối với ông G Giám đốc và ông Vĩnh Phó giám Giám đốc là hành vi vi phạm pháp luật hình sự theo quy định tại Điều 156 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy, việc kháng cáo đề nghị hủy án, trả tự do cho bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm các luật sư bào chữa cho bị cáo đều cho rằng thủ tục của hợp đồng vay vốn chưa đầy đủ, không bảo đảm quyền và lợi ích của những người liên quan, đề nghị hủy án để điều tra lại. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại quyết định công nhận sự thoả thuận số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013 của Toà án nhân dân thành phố A, các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật các đương sự phải thi hành, nhưng sau đó T không tự nguyện thi hành, nhưng không khiếu nại và không chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền. Theo quy định tại Điều 106 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: *“Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”*. Tại khoản 1 Điều 19 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”*. Trong vụ án này bị cáo T và Ngân hàng đã được Toà án giải quyết bằng quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự (Bản chất của vụ việc là bị cáo T đã nhận tiền vay của Ngân hàng, hiện tại chưa trả nên phải có trách nhiệm trả nợ). T không đồng ý với quyết định nhưng không khiếu nại theo thủ tục tố tụng mà tố cáo không đúng quy định, mặc dù đã được cơ quan có thẩm quyền trả lời nhưng bị cáo vẫn cố ý tố cáo làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân, tổ chức. Do vậy đề nghị của các luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của luật sư cho rằng quá trình điều tra không cho bị cáo, bị hại đối chất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 189 Bộ luật tố tụng hình sự quy định, trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì điều tra viên tiến hành đối chất. Trong vụ án này tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở để khẳng định giữa Ngân hàng và công ty do bị cáo làm đại diện có việc vay vốn và được khẳng định một lần nữa bằng quyết định công nhận sự thoả thuận số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013 của Toà án nhân dân thành phố I. Việc

không cho bị cáo và bị hại đối chất là thiếu sót trong quá trình điều tra. Tuy nhiên vẫn có các tài liệu khác để kết tội bị cáo T, việc cho đối chất cũng chỉ là hình thức. Bản chất của vụ án là T có vay của Ngân hàng không trả mà lại tố cáo ông G ông Vĩnh lừa đảo để chiếm đoạt tài sản là hành vi bịa đặt, vu khống.

[8] Đối với đề nghị của luật sư cho rằng quá trình điều tra không thông báo kết quả giám định cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là sai sót trong quá trình điều tra theo quy định tại khoản 3 Điều 214 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên trong vụ án này, cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định liên quan đến thủ tục vay vốn, chữ ký, chữ viết trong hợp đồng thế chấp, biên bản hoà giải thành. Hội đồng xét xử nhận thấy các thủ tục về vay vốn, thế chấp, biên bản hoà giải thành, đã được Toà án nhân thành phố A ban hành quyết định công nhận sự thoả thuận số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013. Quyết định này đang có hiệu lực pháp luật chỉ có Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Toà án nhân dân tối cao mới có quyền nhận xét, đánh giá. Việc không thông báo kết quả giám định cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án liên quan đến vụ án kinh doanh thương mại đã được giải quyết bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vu khống của Trần Văn T.

[9] Đối với đề nghị của luật sư cho rằng quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của bị cáo, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân không theo quy định của luật khiếu nại, luật tố cáo và các quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 01/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhận được đơn khiếu nại đề ngày 28/12/2019 của Trần Văn T khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ/CQCSĐT ngày 25/10/2019 của Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 08/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ra thông báo số 1514/TB-VKS-P12 về việc không thụ lý đơn khiếu nại của Trần Văn T do đơn khiếu nại của T đã hết thời hạn khiếu nại. Sau khi nhận được thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Văn T tiếp tục gửi đơn tố cáo, tố giác ông Nguyễn Văn G, Hoàng Văn K, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành văn bản trả lời các nội dung trong đơn của Trần Văn T. Những văn bản này đều khẳng định khiếu nại của Trần Văn T đối với quyết định không khởi tố vụ án số 27 ngày 19/9/2019 và quyết định giải quyết khiếu nại số 04 ngày 25/10/2019 là không có căn cứ và kết luận quyết định không khởi tố vụ án số 27 ngày 19/9/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra (PC03) - Công an tỉnh Vĩnh Phúc và quyết định giải quyết khiếu nại số 04 ngày 25/10/2019 của Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Đối với kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm của những người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Anh, bà Q, ông M, bà N, bà C. Quá trình xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử xác định ông Anh, bà Q, ông M, bà N, bà C là những người liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Những người trên chỉ là những người liên quan trong vụ án kinh doanh thương mại, Toà án nhân dân thành phố A đã giải quyết từ năm 2013. Nếu họ thấy quyết định số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 13/3/2013 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của họ thì có quyền khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm nếu có căn cứ. Trong vụ án Trần Văn T bị cấp sơ thẩm xét xử về tội Vu khống, thì những người này không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Cấp sơ thẩm xác định họ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không chính xác, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Trong vụ án này cấp sơ thẩm không có quyết định gì liên quan đến họ nhưng họ vẫn kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Anh, bà Q, ông M, bà N, bà C.

[11] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[12] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, ông Phạm O, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị N, bà Trần Thị C; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố A, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng: Điểm c, h khoản 2 Điều 156; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Văn T 02 (Hai) năm tù về tội “Vu khống”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 12/3/2021.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố A;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố A;
- Công an thành phố A;
- Chi cục THADS thành phố A;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Phòng Hành chính tư pháp,
Toà hình sự.

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường